

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST

Ngày 12-01-2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đức Cảnh

Ông Phạm Công Hạ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 446/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2021 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 264/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn T; địa chỉ: Thôn 6, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Vì Thị S; địa chỉ: Thôn 6, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 18 tháng 11 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh Nguyễn Văn T kết hôn với chị Vì Thị S trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thiên Hương, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng vào ngày 24 tháng 11 năm 2010. Quá trình chung

sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng hòa hợp, cuộc sống chung không thống nhất, thiếu tin tưởng lẫn nhau trong quan hệ tình cảm nên vợ chồng thường xảy ra cãi vã, mâu thuẫn lẫn nhau. Do mâu thuẫn anh và chị S đã sống ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn giữa anh và chị S đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Nay anh T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị V. Anh và chị S có 03 con chung tên Nguyễn Vương Quốc Anh, sinh ngày 18/9/2011; Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh ngày 22/10/2015; Nguyễn Ngọc Cát Tường, sinh ngày 05/02/2018. Khi ly hôn anh T xin được trực tiếp nuôi 02 con chung tên Nguyễn Vương Quốc Anh và Nguyễn Ngọc Như Ý, để chị S trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Ngọc Cát Tường. Về cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung do anh và chị S tự thỏa thuận giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại Bản tự khai và đơn đề nghị gửi Tòa án bị đơn chị V trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn T trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thiên Hương, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai. Nay anh T xin ly hôn, chị S thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn anh S. Chị và anh S có 03 con chung tên Nguyễn Vương Quốc Anh, sinh ngày 18/9/2011; Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh ngày 22/10/2015; Nguyễn Ngọc Cát Tường, sinh ngày 05/02/2018. Khi ly hôn chị S xin được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Ngọc Cát Tường, để anh T trực tiếp nuôi hai con chung tên Nguyễn Vương Quốc Anh và Nguyễn Ngọc Như Ý. Về cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung do chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị V. Giao 02 con chung tên Nguyễn Vương Quốc Anh, sinh ngày 18/9/2011; Nguyễn Ngọc

Như Ý, sinh ngày 22/10/2015 cho anh Nguyễn Văn T; giao con chung tên Nguyễn Ngọc Cát Tường, sinh ngày 05/02/2018 cho chị Vì Thị S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung do các đương sự không yêu cầu nên Kiểm sát viên không đề cập giải quyết. Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập gồm: Giấy chứng nhận kết hôn, bản sao sổ hộ khẩu, bản sao giấy chứng minh nhân dân, bản sao giấy khai sinh của con; Bản tự khai; Đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt của chị Vì Thị S; Đơn đề nghị xét nguyện vọng của con chung; Biên bản xác minh tại chính quyền địa phương và gia đình anh Nguyễn Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn là Vì Thị S có nơi cư trú tại xã Thiên Hương, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là chị Vì Thị S vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Vì Thị S.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Vì Thị S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thiên Hương, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng vào ngày 24 tháng 11 năm 2010 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn căng thẳng. Theo tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi vã lẫn nhau. Do mâu thuẫn anh T và chị S đã sống ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn vợ chồng anh T và chị S đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Anh Nguyễn Văn T xin ly hôn, chị Vì Thị S thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn anh T. Điều này thể hiện quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn T và chị Vì Thị S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Vì Thị S.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Vì Thị S có 03 con chung tên Nguyễn Vương Quốc Anh, sinh ngày 18/9/2011; Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh ngày

22/10/2015; Nguyễn Ngọc Cát Tường, sinh ngày 05/02/2018. Khi ly hôn anh T xin được trực tiếp nuôi 02 con chung tên Nguyễn Vương Quốc Anh và Nguyễn Ngọc Như Ý, để chị S trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Ngọc Cát Tường. Chị S có quan điểm đồng ý với yêu cầu của anh T. Xét 03 con chung hiện đang ăn ở ổn định với anh T và vẫn đảm bảo tốt về mọi mặt. Tuy nhiên, cháu Nguyễn Ngọc Cát Tường hiện còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi nên cần có sự chăm sóc của người mẹ. Vì vậy, căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao 02 con chung tên Nguyễn Vương Quốc Anh, sinh ngày 18/9/2011; Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh ngày 22/10/2015 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung tên Nguyễn Ngọc Cát Tường, sinh ngày 05/02/2018 cho chị Vì Thị S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với các quy định của pháp luật và nguyện vọng của con chung. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Vì Thị S tự thỏa thuận giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Vì Thị S tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Vì Thị S.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Vương Quốc Anh, sinh ngày 18 tháng 9 năm 2011 và Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2015 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung tên Nguyễn Ngọc Cát Tường, sinh ngày 05 tháng 02 năm 2018 cho chị Vì Thị S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Vì Thị S tự thỏa thuận giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Vì Thị S tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) anh T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007668 ngày 22 tháng 11 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên. Anh Nguyễn Văn T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Vì Thị S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã Thiên Hương, h.Thủy Nguyên(Giấy chứng nhận kết hôn số 127 ngày 24/11/2010);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hà

